

Điều 62. — Ở những cấp có Hội đồng nhân dân, muốn ứng cử vào Ủy ban Hành chính cấp nào thì phải là hội viên Hội đồng nhân dân cấp ấy.

Ở những cấp không có Hội đồng nhân dân, ai có đủ điều kiện đã ghi ở điều 2 trên đây đều có quyền ứng cử vào Ủy ban Hành chính.

Điều 63. — Ủy ban Hành chính các cấp bầu xong phải được cấp trên công nhận mới được nhận chức.

— Thủ tướng Chính phủ công nhận Ủy ban Hành chính khu, khu tự trị và thành phố trực thuộc trung ương.

— Bộ Nội vụ công nhận Ủy ban Hành chính tỉnh.

— Ủy ban Hành chính khu công nhận Ủy ban Hành chính huyện, thị xã.

— Ủy ban Hành chính Khu tự trị công nhận Ủy ban Hành chính huyện, châu, thị xã (trong Khu tự trị).

— Ủy ban Hành chính thành phố công nhận Ủy ban Hành chính quận ngoại thành, xã ngoại thành.

— Ủy ban Hành chính tỉnh (hay là Ủy ban Hành chính khu trong Khu tự trị không có cấp tỉnh) công nhận Ủy ban Hành chính xã, thị trấn.

Điều 64. — Thẻ lệ chi tiết về bầu cử Ủy ban Hành chính các cấp do nghị định Thủ tướng Chính phủ quy định.

CHƯƠNG III

KỶ LUẬT BẦU CỬ

Điều 65. — Những người dùng bạo lực, hối lộ hoặc một thủ đoạn khác để phá hoại bầu cử, hoặc cản trở công dân tự do sử dụng quyền bầu cử và ứng cử của mình có thể tùy theo tội nhẹ hay là nặng bị phạt tù từ một tháng đến ba năm.

Điều 66. — Nhân viên nào trong các Hội đồng bầu cử, Ban bầu cử, Tổ bầu cử giả mạo giấy tờ, gian lận phiếu hoặc cố tình báo cáo số phiếu sai sự thật hoặc dùng mọi thủ đoạn khác để làm sai lệch kết quả cuộc bầu cử, có thể tùy theo tội nhẹ hay là nặng bị phạt tù từ một tháng đến ba năm.

Điều 67. — Mọi người đều có quyền tố cáo với tòa án nhân dân các hành vi phạm pháp trong lúc bầu cử. Ai cản trở hoặc trả thù người tố cáo có thể tùy theo tội nhẹ hay là nặng bị phạt tù từ một tháng đến ba năm.

CHƯƠNG IV

TRƯỜNG HỢP KHU HỒNG QUẢNG VÀ KHU VỰC VĨNH LINH

Điều 68. — Việc bầu cử Hội đồng nhân dân và Ủy ban Hành chính khu Hồng Quảng và khu vực Vĩnh linh tiến hành theo các thẻ lệ áp dụng cho các tỉnh ở miền xuôi nơi trên đây.

CHƯƠNG V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 69. — Những thẻ lệ đã quy định về việc bầu cử Hội đồng nhân dân và Ủy ban Hành chính trái với sắc luật này đều bãi bỏ.

Điều 70. — Thủ tướng Chính phủ và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành sắc luật này.

Hà nội, ngày 20 tháng 7 năm 1957

Thừa ủy quyền của Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa

Thủ tướng Chính phủ

PHẠM VĂN ĐỒNG

Tiếp ký

Thủ tướng Chính phủ

PHẠM VĂN ĐỒNG

PHỦ THỦ TƯỚNG

THẺ LỆ số 1-UB/TL ngày 1-6-1957 về kiểm kê và đánh giá tài sản của xí nghiệp quốc doanh.

Điều 1. — Căn cứ theo « quyết định về kiểm kê tài sản và xét định vốn của xí nghiệp quốc doanh » của Thủ tướng Chính phủ số 141-TTg ngày 8-1-1957, nay ban hành thẻ lệ này nhằm thiết thực nắm tình hình tài sản ở các xí nghiệp quốc doanh, để tính toán và xét định đúng đắn vốn cố định và vốn lưu động của xí nghiệp.

Điều 2. — Đối với tài sản thực có tính tới khi kiểm kê đánh giá, xí nghiệp quốc doanh trong toàn quốc đều phải tiến hành kiểm kê toàn bộ, và đều phải đánh giá lại bằng tiền Ngân hàng quốc gia theo như quy định trong bản thẻ lệ này.

a) Nếu toàn bộ tài sản của các xí nghiệp quốc doanh thật đã đúng và rõ ràng, thì chỉ tiến hành soát lại. Trường hợp thấy tài sản của các xí nghiệp quốc doanh đó vẫn không đúng, thì phải kiểm kê và chỉnh lý lại.

b) Nếu giá tài sản trên sổ cũ và tiêu chuẩn đánh giá tài sản của các xí nghiệp quốc doanh

19669878

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

trước đây đã phù hợp với nguyên tắc quy định trong bản thể lệ này, thì chỉ tiến hành soát lại. Trường hợp thấy phần lớn hay một phần giá tài sản trên sổ cũ và tiêu chuẩn đánh giá tài sản của xí nghiệp không phù hợp với nguyên tắc quy định trong bản thể lệ này, thì phải đánh giá lại toàn bộ hoặc một phần tài sản đó.

Điều 3.— Tài sản thực có nói trên gồm những tài sản trên sổ sách và tất cả những tài sản không có trên sổ sách của đơn vị xí nghiệp.

Những công trình kiến thiết cơ bản và máy móc vật liệu của công trình đó, thuộc niên độ 1957 (kể cả những công trình chưa làm xong của niên độ trước được chuẩn y ghi làm công trình kiến thiết cơ bản của niên độ 1957) thì phải phân biệt rõ ràng với tài sản cố định và tài sản lưu động hiện có của xí nghiệp, và không phải kiểm kê đánh giá. Những công trình đã làm xong thuộc năm trước, dù có lập xong quyết toán hay chưa, đều phải đánh giá lại và ghi vào tài sản thực có. Những công trình thuộc năm 1957 đã làm xong và đã chuyển vào sản xuất trước khi kiểm kê, đều phải ghi vào tài sản thực có.

Điều 4.— Nguyên tắc xác định tiêu chuẩn và phạm vi phân biệt tài sản cố định với tài sản lưu động của xí nghiệp quốc doanh trong toàn quốc quy định như sau:

a) Trường hợp thuộc về tài sản cố định:

Nhà cửa, vật kiến trúc, thiết bị động lực, thiết bị truyền dẫn dùng cho sản xuất, máy móc thiết bị, công cụ sản xuất và những khí cụ, công cụ vận chuyển, đồ dùng trong nhà, tài sản cố định dự trữ cho sản xuất, và tiền đầu tư về đất dùng vào sản xuất, tài sản cố định dùng cho nông nghiệp và nghề phụ, tài sản cố định dùng vào việc tiêu thụ và cung cấp, nhà ở và vật kiến trúc phụ thuộc, tài sản cố định dùng cho công tác văn hóa, dùng cho công tác y tế bảo vệ sức khỏe (xem văn kiện phụ).

b) Trường hợp thuộc về tài sản lưu động:

Nguyên liệu và vật liệu chủ yếu, bán thành phẩm mua vào, vật liệu phụ, nhiên liệu, sản phẩm đang chế tạo, thành phẩm, đồ dự trữ dùng vào việc sửa chữa linh tinh, đồ bao bì, vật rẻ tiền mau hỏng, khoản trả trước, khoản nợ phải thu, tiền mặt tồn quỹ, v.v...

c) Trường hợp sau đây phải liệt vào tài sản lưu động:

— Vật dụng mà thời gian sử dụng dưới một năm và những thứ dễ vỡ (như đồ dùng bằng thủy tinh) thì mặc dù giá trị là bao nhiêu, đều liệt vào tài sản lưu động.

— Vật dụng mà thời gian sử dụng trên một năm nhưng giá trị đơn vị dưới 15 vạn đồng Ngân hàng thì liệt vào tài sản lưu động. Tùy theo thời hạn

sử dụng, những vật dụng này sẽ phân bổ vào giá thành làm nhiều lần, và lấy tiền đã phân bổ được để mua thứ mới.

(Các Bộ chủ quản xí nghiệp có thể căn cứ vào tình hình cụ thể của xí nghiệp để đặt các tiêu chuẩn phân biệt tài sản cố định và vật rẻ tiền mau hỏng cho Bộ mình, và gửi kèm tài liệu có ghi các loại, đơn vị và giá vật rẻ tiền mau hỏng, cho Ủy ban Kiểm kê toàn quốc xét).

Điều 5.— Các xí nghiệp quốc doanh trong toàn quốc đánh giá tài sản cố định phải lấy « giá hoàn toàn tính lại » của niên độ 1957 làm tiêu chuẩn. Giá hoàn toàn tính lại là giá thành tính lại để mua sắm hay xây dựng tài sản đó mới nguyên trong điều kiện sáu tháng đầu niên độ 1957, gồm giá mua, tiền thuế, hoa hồng và tạp phí vận chuyển v.v...

a) Nếu là tài sản cố định kiến trúc thì lấy phí tổn kiến trúc trong điều kiện hiện nay làm giá thành tính lại, giá đó gồm phí tổn thiết kế, phí tổn công tác chuẩn bị kiến trúc (như phí tổn xây dựng nhà ở của công nhân xây lắp, đường goòng tạm thời v.v... đã trừ tiền bán những thứ đó sau khi làm xong công trình), giá toàn bộ công trình kiến trúc, thiết bị đi mua và khoản chi về sửa sang những thiếu sót cá biệt khi công trình đã làm xong.

b) Nếu là tài sản cố định lắp đặt thì lấy phí tổn đi mua, phí tổn lắp đặt máy trong điều kiện 6 tháng đầu niên độ 1957, làm giá thành tính lại, gồm giá mua, thuế, hoa hồng, phí tổn kiểm nghiệm, phí tổn vận chuyển và phí tổn lắp đặt máy.

c) Các khoản chi về sửa chữa lớn tài sản cố định sẽ lấy ở khoản khấu hao sửa chữa lớn để trừ, không được tính vào giá trên sổ làm tăng tài sản cố định.

d) Tài sản cố định dùng hỏng hoặc bị hư hỏng không dùng được nữa thì ước tính theo giá có thể bán được.

Điều 6.— Để tính giá và khấu hao về tài sản cố định được chính xác, đồng thời để xây dựng và quán triệt chế độ trách nhiệm đối với tài sản cố định, đơn vị xí nghiệp chủ yếu là phải căn cứ vào trình độ mới hay cũ, khả năng và tình hình sử dụng của tài sản cố định để nhận định lại số năm sử dụng (nếu tính theo tấn / cây số thì phải nhận định lại số tấn / cây số sử dụng).

a) Nhận định số năm thực tế còn có thể sử dụng được, và căn cứ theo trình độ thực tế chưa hao mòn của tài sản, tức tỷ lệ thực tế chưa khấu hao (tỷ lệ phần trăm) để xác định toàn bộ số năm có thể sử dụng được; toàn bộ số năm có thể sử dụng được, trừ số năm còn có thể sử dụng được, tức là số năm đã sử dụng.

b) Để nhận định số năm sử dụng máy móc, đối với máy móc về luyện kim, hầm mỏ, phát điện

và các máy dệt, làm giấy v.v... có tính chất liên tục, thì lấy 24 giờ làm việc trong 1 ngày đêm để làm tiêu chuẩn. Đối với máy móc các ngành xí nghiệp khác thì sẽ lấy một số giờ làm việc trong 1 ngày đêm để làm tiêu chuẩn và do Bộ chủ quản xí nghiệp quy định thống nhất gửi cho Ủy ban Kiểm kê toàn quốc xét định.

Điều 7. — Những tài sản cố định bị phá hoại nặng vì chiến tranh hay vì nguyên nhân đặc biệt khác, nhưng vẫn còn dùng vào sản xuất được, trong khi chưa được Chính phủ cấp phát để sửa chữa, thì có thể tạm thời đánh giá theo giá còn lại, sau khi đem giá hoàn toàn tính lại trừ vào số bị hư hỏng. Số bị hư hỏng là tổng số giá của phần bị hư hỏng (không phải phần khấu hao hao mòn). Khi tính, trước hết phải căn cứ vào trình độ hư hỏng (tỷ lệ phần trăm) của các bộ phận tài sản để tìm ra tỷ lệ hư hỏng chung, rồi nhân với giá hoàn toàn tính lại.

Điều 8. — Về việc đánh giá đất thì theo như quy định sau đây :

a) Trừ những xí nghiệp kinh doanh đặc biệt có quy định riêng ra, những đất như hầm mỏ, rừng rù, hồ ao, ruộng muối, ruộng nông nghiệp, bãi chăn nuôi, đường sắt, đường bộ của xí nghiệp quốc doanh, nếu đầu tư mua sau khi tiếp quản hoặc đã làm thủ tục tài vụ để đầu tư thì giá đất là số đầu tư thực tế, hoặc số tiền ghi ở trên sổ cũ. Còn những thứ đất khác thì tạm thời không đánh giá, nhưng những công trình trên mặt đất này thì phải đánh giá để liệt vào tài sản « vật kiến trúc ».

b) Nền nhà và đất phụ thuộc nền nhà, nếu đầu tư mua sau khi Chính phủ tiếp quản hoặc đã có đánh giá ghi vào sổ rồi, thì lấy con số ghi trên sổ cũ làm giá đất, nếu chưa đánh giá thì đều phải đánh giá; tiêu chuẩn đánh giá sẽ lấy giá đất dự định của cơ quan Địa chính địa phương làm tiêu chuẩn (nếu không có cơ quan Địa chính thì do Ủy ban Hành chính tỉnh định).

c) Đất không trích khấu hao, nhưng đơn vị xí nghiệp phải ghi riêng vào hồ sơ theo dõi toàn bộ số đất và tình hình sử dụng, đồng thời phải ghi vào sổ gửi lên trên.

Điều 9. — Trường hợp tài sản cố định như nhà, đất, vật kiến trúc, chưa xác định quyền sở hữu, thì các đơn vị xí nghiệp có liên quan sẽ thương lượng để giải quyết; xí nghiệp được quyền sở hữu tài sản thì phải đánh giá để xét định vốn. Nếu trước khi kiểm kê đánh giá, khó xác định quyền sở hữu tài sản, thì do đơn vị xí nghiệp đã sử dụng tạm thời đánh giá, coi là tài sản giữ hộ chưa định quyền sở hữu, đợi sau khi xác định quyền sở hữu, sẽ giải quyết chính thức.

Điều 10. — Việc đánh giá tài sản lưu động của xí nghiệp quốc doanh toàn quốc, cũng phải lấy giá thành tính lại của niên độ 1957 làm tiêu chuẩn, tức là gồm giá hiện nay, tiền thuế, tiền hoa hồng, tạp phí mua sắm, vận chuyển...

Nguyên tắc đánh giá như sau :

a) Nguyên liệu, vật liệu, vật liệu phụ, nhiên liệu v.v... đánh giá theo giá thành tính lại.

b) Sản phẩm tự chế (tức là thành phẩm và bán thành phẩm tự chế) đánh giá theo giá thành thực tế. Hàng hóa và bán thành phẩm mua vào đánh giá theo giá thành tính lại.

c) Sản phẩm đang chế tạo đánh giá theo giá thành thực tế hoặc theo tỷ lệ sản phẩm đang chế tạo so với giá thành sản phẩm.

d) Khoản nợ phải thu, khoản trả trước, v.v... sẽ tính theo số kết dư ghi trong sổ.

e) Hàng hỏng, vật liệu hỏng đánh giá theo giá ước tính có thể bán ra được.

Điều 11. — Chứng khoản có thời giá, nếu có thời giá, thì ghi theo thời giá. Nếu không có thời giá thì tùy theo trường hợp cụ thể để đánh giá.

Điều 12. — Trong công tác kiểm kê đánh giá của xí nghiệp quốc doanh trong toàn quốc, tiêu chuẩn đánh giá các tài sản cố định và tài sản lưu động (ngoài những sản phẩm tự chế và sản phẩm đang chế tạo tạm ghi theo giá thành thực tế) sẽ do các Bộ chủ quản xí nghiệp căn cứ vào tình hình thực tế, và kết hợp với những biện pháp dưới đây mà tổ chức những nhân viên kỹ thuật, tài vụ và những nhân viên am hiểu tình hình, để quy định :

a) Hoặc theo giá chỉ đạo của Nhà nước, giá hợp đồng Mậu dịch hoặc những tài liệu về giá thị trường trong và ngoài nước.

b) Hoặc theo giá bán hoặc giá xây dựng của xí nghiệp quốc doanh.

c) Hoặc theo giá thị trường ở địa phương hoặc ở vùng lân cận.

d) Hoặc theo tỷ giá của những tài sản cùng loại theo quy cách hoặc nhãn hiệu khác nhau.

e) Hoặc nếu có giá tài sản trên sổ cũ thì theo giá đó nhân với chỉ số giá cũ để ghi.

Điều 13. — Các Bộ chủ quản xí nghiệp phải định tiêu chuẩn giá thống nhất cho máy móc, thiết bị chủ yếu để gửi cho Ủy ban Kiểm kê toàn quốc xét định. Khi đánh giá tài sản cố định và tài sản lưu động khác phải tham khảo tiêu chuẩn giá cả của các xí nghiệp trong toàn quốc, để tránh tình trạng đánh giá quá cao hay quá thấp.

Điều 14. — Đối với các khoản tài sản nợ, xí nghiệp quốc doanh cũng cần phải lần lượt chỉnh lý, báo cáo lên trên.

Điều 15. — Sau khi đánh giá lại tài sản của xí nghiệp, nếu giữa giá đánh lại với giá trên sổ cũ có số chênh lệch, hụt đi hoặc dôi ra, thì phải ghi riêng số chênh lệch đó vào từng tài khoản « tài sản có », tài khoản « tổng số đã khấu hao » và tài khoản « chênh lệch về kiểm kê và đánh giá » để điều chỉnh. Sau khi đã được Ủy ban Kiểm kê toàn quốc duyệt, sẽ kết chuyển vào « vốn của Nhà nước ».

Điều 16. — Xí nghiệp quốc doanh toàn quốc phải làm bản kê khai theo con số thực có như mẫu bưng đã quy định về toàn bộ tài sản có và tài sản nợ, có chữ ký của phụ trách kho, phụ trách kế toán, giám đốc xí nghiệp, rồi do Ủy ban Kiểm kê xí nghiệp gửi theo từng cấp lên Ủy ban Kiểm kê toàn quốc, qua cấp nào Ủy ban Kiểm kê cấp đó phải thẩm duyệt, lồng hợp và ký tên rồi mới gửi lên cấp trên.

Điều 17. — Các Bộ chủ quản xí nghiệp phải căn cứ vào quy định của bản thể lệ này, kết hợp với tình hình thực tế của xí nghiệp do mình phụ trách, đề thống nhất định ra thể lệ bổ sung thì hành cụ thể, và gửi lên Ủy ban Kiểm kê toàn quốc làm hồ sơ theo dõi.

Hà nội, ngày 1 tháng 6 năm 1957

T. L. Thủ tướng Chính phủ
Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm kê toàn quốc

BÙI CÔNG TRUNG

THỂ LỆ số 2-UB/TL ngày 1-6-1957 về xét định vốn xí nghiệp quốc doanh.

Điều 1. — Căn cứ theo « quyết định về kiểm kê tài sản, xét định vốn của xí nghiệp Quốc danh » của Thủ tướng Chính phủ số 141-TTg ngày 8-4-1957, nay ban hành bản thể lệ này, nhằm xác định chính thức số đầu tư vào xí nghiệp quốc doanh của Nhà nước, tăng cường quản lý vốn của xí nghiệp và xây dựng cơ sở cho chế độ hạch toán kinh tế.

Điều 2. — Các xí nghiệp quốc doanh trong toàn quốc đều phải tính và xét định vốn của mình bằng tiền Ngân hàng Quốc gia.

Điều 3. — Vốn phải tính và xét định của xí nghiệp quốc doanh toàn quốc gồm có 2 loại: vốn cố định và vốn lưu động.

Điều 4. — Về mặt tài vụ thì các xí nghiệp quốc doanh trong toàn quốc phải dựa theo các kế hoạch sản xuất, cung cấp, tiêu thụ năm 1957, để tính toán kỹ lưỡng, hết sức tăng tốc độ luân chuyển vốn lưu động, nhằm sử dụng vốn được hiệu quả nhất và hợp lý nhất, đồng thời dựa vào các nguyên tắc dưới đây để tính định mức vốn lưu động cần thiết:

1) **Định mức nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu và vật liệu phụ:**

Định mức cho những nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu và vật liệu phụ chủ yếu phải căn cứ vào số lượng cần thiết trung bình mỗi ngày (định mức tiêu hao số lượng sản xuất trung bình mỗi ngày), và căn cứ theo tình hình đi mua, vận chuyển để tính số ngày dự trữ cần thiết tối thiểu nhằm bảo đảm cung cấp cho sản xuất được bình thường (tính từ ngày trả tiền hàng đến trước ngày thực tế bỏ vào sản xuất, bao gồm cả số ngày thực tế cần thiết cho các quá trình vận chuyển, kiểm nhận, bảo quản và chuẩn bị trước khi bỏ vào sản xuất), để tính định mức toàn bộ số vốn dự trữ. Nếu là vật liệu dự trữ đặc biệt, thì được tính kỹ dự trữ bảo hiểm nhất định.

Những nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, và vật liệu phụ thứ yếu, nếu tính theo định mức tiêu hao gặp khó khăn, thì có thể căn cứ vào số dư trung bình thực tế của từng loại, trừ phần dự trữ quá nhiều và dựa vào điều kiện sản xuất mới để tính số dự trữ cần thiết tối thiểu.

2) **Định mức phụ tùng dùng để sửa chữa (phụ tùng linh tinh):**

Phải xác định theo kế hoạch sửa chữa linh tinh của tài sản cố định hoặc lấy số dư trung bình thực tế trong niên độ 1956 của xí nghiệp làm định mức cho niên độ 1957.

3) **Định mức vật rẻ tiền mau hỏng:**

Có thể căn cứ vào kinh nghiệm cũ của xí nghiệp hay phẩm chất của vật rẻ tiền mau hỏng để tính định mức cần thiết tối thiểu cho từng thứ, hoặc theo số công nhân, hoặc theo số máy móc, hoặc theo số phi tồn sản xuất.

4) **Định mức sản phẩm đang chế tạo:**

Căn cứ theo số lượng sản xuất và giá thành đơn vị trong kỳ kế hoạch (hàng năm hay hàng quý) của từng loại sản phẩm để tính tổng giá thành sản xuất, rồi chia cho số ngày trong kỳ kế hoạch (360 ngày hay 90 ngày) rồi nhân với chu kỳ sản xuất và hệ số sản phẩm đang chế tạo (tỷ lệ phần trăm so sánh giữa giá thành trung bình sản phẩm đang chế tạo với giá thành sản phẩm) thì sẽ tính được định mức vốn cần thiết trong kỳ chế tạo cho từng loại sản phẩm. Dem cộng các định mức của các loại sản phẩm đang chế tạo, thì sẽ được định mức vốn cần thiết của toàn bộ số sản phẩm đang chế tạo.

Nếu tính theo phương pháp trên gặp khó khăn, thì có thể tính theo số dư trung bình thực tế của niên độ 1956.

www.ThuVienPhapLuat.vn
0916078088
+84-8-38109160